

KẾT QUẢ THI CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ B - NGÀY 15/1/2017

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
1	BK090001	Nguyễn Thành An	20/04/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-CK01	7,0	7,5	8,0	7,5	Khá
2	BK090002	Bùi Tuấn Anh	22/03/1995	Lâm Đồng	14CĐ-OT01	6,5	7,0	4,0	6,0	Trung bình
3	BK090003	Đặng Tuấn Anh	15/01/1995	Bình Định	14CĐ-OT05	6,5	7,0	4,0	6,0	Trung bình
4	BK090004	Trần Thế Anh	09/09/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-TM01	6,5	6,0	9,0	7,0	Khá
5	BK090005	Nguyễn Văn Bảo	19/06/1996	Bình Định	14CĐ-NL01	7,0	5,0	6,0	6,5	Trung bình
6	BK090006	Trần Quốc Bảo	01/12/1996	Bến Tre	14CĐ-OT04	6,5	6,5	6,0	6,5	Trung bình
7	BK090007	Đặng Hữu Cảnh	25/03/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-CK01	7,5	5,0	6,0	6,5	Trung bình
8	BK090008	Trần Minh Châu	16/12/1996	Trà Vinh	14CĐ-NL01	7,5	5,0	7,0	7,0	Khá
9	BK090009	Nguyễn Ngọc Có	27/07/1996	Đồng Tháp	14CĐ-TP01	6,5	5,0	7,0	6,5	Trung bình
10	BK090010	Trần Quang Cương	31/12/1996	Ninh Thuận	14CĐ-NL01	6,5	7,5	7,0	7,0	Khá
11	BK090011	Ân Hữu Cường	04/04/1996	Lâm Đồng	14CĐ-OT04	7,0	8,0	7,0	7,5	Khá
12	BK090012	Nguyễn Thành Đạt	01/11/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-TP01	7,0	7,5	7,0	7,0	Khá
13	BK090013	Nguyễn Tiến Đạt	13/09/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-OT01	7,0	6,5	8,0	7,0	Khá
14	BK090014	Phùng Tấn Đạt	04/08/1996	Đắk Nông	14CĐ-TP01	6,5	7,5	5,0	6,5	Trung bình
15	BK090015	Phan Đình Nguyễn Diễm	11/01/1995	Đồng Nai	14CĐ-ĐT01	7,0	6,0	6,0	6,5	Trung bình
16	BK090016	Hồ Diễm	08/09/1995	Quảng Ngãi	14CĐ-OT04	6,0	5,0	7,0	6,0	Trung bình

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
17	BK090017	Nguyễn Thanh Dinh	18/06/1994	Bình Thuận	12CĐ-Đ1	6,0	5,0	7,0	6,0	Trung bình
18	BK090018	Bùi Công Doãn	20/04/1995	Quảng Ngãi	14CĐ-OT05	6,5	6,0	7,0	6,5	Trung bình
19	BK090019	Đỗ Huỳnh Đức	07/12/1996	Vĩnh Long	14CĐ-CK01	7,5	5,5	6,0	6,5	Trung bình
20	BK090020	Nguyễn Văn Đức	12/07/1995	Quảng Ngãi	13CĐ-Ô1	7,5	5,5	7,0	7,0	Khá
21	BK090021	Nguyễn Vũ Đông Đức	26/04/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	14CĐ-TP01	7,5	5,0	4,0	6,0	Trung bình
22	BK090022	Trần Anh Đức	16/12/1994	Đồng Tháp	14CĐ-OT04	7,0	6,0	4,0	6,0	Trung bình
23	BK090023	Dịp Chí Dũng	23/08/1996	Đồng Nai	14CĐ-OT01	7,0	5,5	5,0	6,0	Trung bình
24	BK090024	Lê Khắc Dũng	10/05/1996	Ninh Thuận	14CĐ-ĐC01	6,0	5,5	4,0	5,5	Trung bình
25	BK090025	Nguyễn Tuấn Dũng	19/05/1996	Bắc Giang	14CĐ-OT03	5,5	6,0	4,0	5,5	Trung bình
26	BK090026	Nguyễn Xuân Dũng	04/12/1996	Thái Bình	14CĐ-OT04	6,0	6,0	6,0	6,0	Trung bình
27	BK090027	Nguyễn Minh Được	31/12/1995	Tây Ninh	14CĐ-OT05	6,0	5,5	5,0	5,5	Trung bình
28	BK090028	Phạm Đình Duy	19/03/1993	Đồng Nai	14CĐ-OT05	6,5	6,0	4,0	6,0	Trung bình
29	BK090029	Phạm Trường Duy	20/12/1995	Bến Tre	14CĐ-NL01	8,0	5,5	6,0	7,0	Khá
30	BK090030	Trần Anh Duy	30/08/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-OT01	8,0	5,5	7,0	7,0	Khá
31	BK090031	Trần Ng Phương Duy	31/07.1996	Long An	14CĐ-ĐT02	7,5	5,0	8,0	7,0	Khá
32	BK090032	Võ Đức Duy	25/09/1996	Vĩnh Long	14CĐ-NL01	7,5	7,5	4,0	6,5	Trung bình
33	BK090033	Phan Vũ Trường Giang	09/09/1996	Bình Dương	14CĐ-OT01	7,5	5,5	7,0	7,0	Khá
34	BK090034	Lê Thanh Hải	22/12/1995	Gia Lai	14CĐ-TM01	7,0	6,0	5,0	6,5	Trung bình
35	BK090035	Lê Văn Hải	03/05/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-OT03	7,0	5,5	4,0	6,0	Trung bình
36	BK090036	Nguyễn Thanh Hải	07/07/1996	Bình Định	14CĐ-OT05	7,0	6,0	4,0	6,0	Trung bình
37	BK090037	Từ Chí Hải	05/06/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-TP01	6,5	7,5	7,0	7,0	Khá

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
38	BK090038	Nguyễn Vĩnh Hảo	29/09/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-ĐC01	7,0	6,0	5,0	6,5	Trung bình
39	BK090039	Nguyễn Văn Hậu	19/04/1996	Bình Định	14CĐ-NL01	6,5	7,5	6,0	6,5	Trung bình
40	BK090040	Phùng Văn Hiền	19/11/1996	Bình Định	14CĐ-ĐC01	4,5	7,0	4,0	5,0	Trung bình
41	BK090041	Huỳnh Trung Hiếu	27/08/1996	Bình Định	14CĐ-OT03	4,0	8,0	4,0	5,0	Trung bình
42	BK090042	Lưu Văn Hiếu	29/09/1995	Long An	14CĐ-ĐT02	5,0	8,0	0,0	4,5	Không đạt
43	BK090043	Trương Minh Hiếu	10/10/1995	Bình Thuận	14CĐ-CK01	4,5	7,5	0,0	4,0	Không đạt
44	BK090044	Đỗ Văn Hóa	25/12/1995	Bình Định	13CĐ-Ô1	4,0	5,5	5,0	4,5	Không đạt
45	BK090046	Ng Ngọc Quốc Hoàng	12/04/1993		14CĐ-OT05	4,0	3,5	7,0	4,5	Không đạt
46	BK090047	Trần Nhật Hoàng	06/08/1996	Bình Thuận	14CĐ-ĐC01	1,5	3,5	6,0	3,0	Không đạt
47	BK090048	Nguyễn Xuân Học	26/01/1996	Lâm Đồng	14CĐ-ĐT01	1,5	6,5	2,0	3,0	Không đạt
48	BK090049	Phan Trường Học	22/06/1995	Bình Định	14CĐ-CK01	2,0	6,5	0,0	2,5	Không đạt
49	BK090050	Trần Văn Hồng	14/03/1996	Quảng Ngãi	14CĐ-TM01	3,5	7,5	7,0	5,5	Trung bình
50	BK090051	Trần Ngọc Huân	01/03/1996	Quảng Ngãi	14CĐ-OT03	4,0	8,5	5,0	5,5	Trung bình
51	BK090052	Nguyễn Huệ	04/12/1995	Quảng Ngãi	13CĐ-TP2	4,0	8,0	5,0	5,5	Trung bình
52	BK090053	Dư Quốc Hưng	01/01/1993		14CĐ-TM01	3,0	5,5	6,0	4,5	Không đạt
53	BK090054	Đỗ Thị Cẩm Hương	10/12/1995	Bến Tre	14CĐ-MT01	3,0	5,0	5,0	4,0	Không đạt
54	BK090055	Huỳnh Ngọc Lan Hương	20/08/1996	Cần Thơ	14CĐ-MT01	4,5	7,0	8,0	6,0	Trung bình
55	BK090056	Nguyễn Hoàng Đức Huy	05/04/1994	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-NL01	6,0	5,0	5,0	5,5	Trung bình
56	BK090057	Nguyễn Hữu Huy	25/08/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-ĐT02	2,0	5,0		2,5	Không đạt
57	BK090058	Nguyễn Quang Huy	11/10/1996	Đà Nẵng	14CĐ-OT04	3,0	4,5	5,0	4,0	Không đạt
58	BK090059	Rhàng Wàng Thu Khâm	12/09/1995	Lâm Đồng	14CĐ-TM01	4,5	5,0	7,0	5,5	Trung bình

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
59	BK090060	Nguyễn Hoàng Phi Khanh	16/12/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-OT05	4,5	4,0	6,0	5,0	Trung bình
60	BK090061	Lê Minh Khánh	27/11/1996	Ninh Thuận	14CĐ-OT04	3,5	3,0	6,0	4,0	Không đạt
61	BK090062	Nguyễn Trọng Khoa	12/10/1996	Đồng Tháp	14CĐ-OT04	2,5	5,0	5,0	4,0	Không đạt
62	BK090063	Phạm Thanh Khoa	27/03/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-CK01	5,0	5,0	6,0	5,5	Trung bình
63	BK090064	Trần Đăng Khoa	15/09/1995	Tiền Giang	14CĐ-TP02	5,0	5,0	7,0	5,5	Trung bình
64	BK090065	Trần Nhật Khoa	17/08/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-NL01	4,5	5,0	6,0	5,0	Trung bình
65	BK090066	Nguyễn Trung Kiên	06/01/1995	Lâm Đồng	14CĐ-OT04	3,0	5,0	4,0	4,0	Không đạt
66	BK090067	Nguyễn Chí Kiệt	15/12/1995	Tiền Giang	14CĐ-ĐT02	4,0	7,0	4,0	5,0	Trung bình
67	BK090068	Vương Nguyễn Tườ Lâm	28/09/1994	Bình Thuận	14CĐ-TP02	5,0	5,0	5,0	5,0	Trung bình
68	BK090069	Lâm Văn Lộc	06/09/1996		14CĐ-NL01	2,5	5,0	5,0	4,0	Không đạt
69	BK090070	Huỳnh Hữu Long	03/08/1995	Bình Dương	14CĐ-OT04	1,5	3,5	4,0	2,5	Không đạt
70	BK090071	Nguyễn Đức Long	29/07/1995	Lâm Đồng	14CĐ-OT05	2,5	7,5	4,0	4,0	Không đạt
71	BK090072	Võ Tiến Long	10/12/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-TM01	3,5	7,5	5,0	5,0	Trung bình
72	BK090073	Nguyễn Xuân Lượng	23/08/1990	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-OT03	4,5	8,5	7,0	6,0	Trung bình
73	BK090074	Bùi Văn Minh	06/09/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-OT04	3,5	7,0	4,0	4,5	Không đạt
74	BK090075	Đặng Công Minh	13/06/1992	Bến Tre	14CĐ-TP01	5,5	6,0	6,0	6,0	Trung bình
75	BK090076	Dương Triển Minh	04/11/1994	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-TP02	6,0	5,5	8,0	6,5	Trung bình
76	BK090077	Lại Hoàng Minh	03/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-OT05	4,0	6,5	4,0	4,5	Không đạt
77	BK090078	Nguyễn Trọng Nghĩa	19/08/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-OT03	3,5	6,0	7,0	5,0	Trung bình
78	BK090079	Nguyễn Văn Nghĩa	03/05/1996	Lâm Đồng	14CĐ-ĐT01	2,0	4,5	4,0	3,0	Không đạt
79	BK090080	Trần Hữu Nghĩa	24/04/1995	Long An	14CĐ-OT04	2,5	7,5	4,0	4,0	Không đạt

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
80	BK090081	Hồ Xuân Nhân	14/08/1995	Đắk Lắk	14CĐ-OT05	3,5	5,0	2,0	3,5	<i>Không đạt</i>
81	BK090082	Trương Quang Nhật	16/02/1996	Bình Thuận	14CĐ-ĐT01	3,5	5,0	4,0	4,0	<i>Không đạt</i>
82	BK090083	Lê Thị Yến Nhi	18/09/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-MT01	3,5	5,0	5,0	4,5	<i>Không đạt</i>
83	BK090084	Trần Trung Như	15/02/1994	Bình Thuận	14CĐ-TP01	3,5	5,0	6,0	4,5	<i>Không đạt</i>
84	BK090085	Phan Văn Pháp	14/07/1996	Bình Thuận	14CĐ-OT03	4,0	5,0	8,0	5,5	Trung bình
85	BK090086	Nguyễn Phát	05/06/1996	Bà Rịa-Vũng Tàu	14CĐ-ĐT02	4,0	5,0	8,0	5,5	Trung bình
86	BK090087	Nguyễn Tiến Phi	04/11/1996	Bà Rịa-Vũng Tàu	14CĐ-TP01	6,0	6,0	5,0	6,0	Trung bình
87	BK090088	Lê Hồng Phong	19/02/1996	Quảng Ngãi	14CĐ-NL01	5,5	8,0	7,0	6,5	Trung bình
88	BK090089	Kiều Thanh Phú	04/06/1996	Cần Thơ	14CĐ-MT01	4,5	6,5	5,0	5,0	Trung bình
89	BK090090	Ngô Thị Phúc	12/02/1995	Đắk Lắk	14CĐ-TP02	4,0	5,0	6,0	5,0	Trung bình
90	BK090091	Phan Anh Phúc	22/12/1994	Bình Phước	14CĐ-OT05	4,0	5,0	4,0	4,5	<i>Không đạt</i>
91	BK090092	Trần Hữu Quân	28/07/1996	Bình Thuận		4,5	5,0	8,0	5,5	Trung bình
92	BK090093	Đặng Văn Quang	03/09/1994	Yên Lạc, Vĩnh Phúc	13CĐ-CK4	4,5	5,0	4,0	4,5	<i>Không đạt</i>
93	BK090094	Đoàn Việt Quang	15/12/1996	Bà Rịa-Vũng Tàu	14CĐ-ĐT02	4,5	5,0	6,0	5,0	Trung bình
94	BK090095	Hồ Vũ Quát	18/03/1995	Quảng Nam	14CĐ-OT04	5,0	5,0	6,0	5,5	Trung bình
95	BK090096	Phạm Trung Quý	21/05/1996	Bình Dương	14CĐ-OT05	4,0	5,0	6,0	5,0	Trung bình
96	BK090097	Nguyễn Quốc Quy	24/09/1996	Long An	14CĐ-OT02					<i>Không đạt</i>
97	BK090098	Phạm Thị Hồng Quyên	04/03/1996	Long An	14CĐ-MT01	4,0	4,5	7,0	5,0	Trung bình
98	BK090099	Đỗ Vũ Thanh Sang	07/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-NL01	2,0	4,0	5,0	3,5	<i>Không đạt</i>
99	BK090100	Hồ Giang Sang	20/11/1996	Cà Mau	14CĐ-NL01	3,0	4,0	5,0	4,0	<i>Không đạt</i>
100	BK090101	Nguyễn Thanh Sang	20/12/1996	Đồng Nai	14CĐ-ĐT02	2,5	5,5	6,0	4,0	<i>Không đạt</i>

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
101	BK090102	Trần Minh Sang	04/08/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	14CĐ-CK03	5,0	5,0	5,0	5,0	Trung bình
102	BK090103	Trương Tấn Sang	21/11/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-TP01	6,0	6,0	6,0	6,0	Trung bình
103	BK090104	Huỳnh Thế Sơn	14/04/1996	Bình Định	14CĐ-ĐT02	5,0	6,5	5,0	5,5	Trung bình
104	BK090105	Nguyễn Văn Sơn	30.01.94	Bình Thuận	12CĐ-Đ2	4,5	6,5	5,0	5,0	Trung bình
105	BK090106	Trần Quốc Sơn	21/11/1994	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-OT01	5,5	6,5	7,0	6,0	Trung bình
106	BK090107	Lê Hoàng Sự	09/01/1996	Ninh Thuận	14CĐ-NL01	5,5	6,5	5,0	6,0	Trung bình
107	BK090108	Nguyễn Thành Tâm	13/12/1994	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-TP01	6,0	7,0	6,0	6,5	Trung bình
108	BK090109	Nguyễn Lê Minh Tân	23/09/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-OT01	6,0	5,5	5,0	5,5	Trung bình
109	BK090110	Nguyễn Quốc Tân	08/06/1996	Bình Dương	14CĐ-OT05	4,5	4,5	7,0	5,0	Trung bình
110	BK090111	Nguyễn Thanh Tây	30/12/1996	Vĩnh Long	14CĐ-CK03	6,5	6,5	5,0	6,0	Trung bình
111	BK090112	Nguyễn Văn Tây	22/05/1996	Bình Định	14CĐ-TP01	5,0	6,0	7,0	6,0	Trung bình
112	BK090113	Trần Ngọc Thạch	02/07/1996	Gia Lai	14CĐ-OT04	5,5	4,5	5,0	5,0	Trung bình
113	BK090114	Đặng Minh Thắng	22/09/1996	An Giang	14CĐ-OT03	5,0	6,0	8,0	6,0	Trung bình
114	BK090115	Nguyễn Viết Thắng	27/08/1996	Bà Rịa-Vũng Tàu	14CĐ-ĐT01	5,0	7,0	3,5	5,0	Trung bình
115	BK090116	Tô Đức Thắng	14/08/1995	Kiên Giang	14CĐ-OT03	5,5	7,0	6,0	6,0	Trung bình
116	BK090117	Diệp Thái Thanh	08/02/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-TP01	5,5	8,0	8,0	7,0	Khá
117	BK090118	Dương Văn Thanh	12/08/1996	Quảng Ngãi	14CĐ-ĐT02	5,5	8,0	6,0	6,5	Trung bình
118	BK090119	Lê Đình Thành	03/09/1995	Long An	14CĐ-CK03	5,5	8,0	5,0	6,0	Trung bình
119	BK090120	Đoàn Minh Thế	17/08/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-TP02	5,5	7,0	8,0	6,5	Trung bình
120	BK090121	Lê Quang Thịnh	01/02/1996	Bình Thuận	14CĐ-OT03	3,5	6,0	4,0	4,5	Không đạt
121	BK090122	Nguyễn Tấn Thanh Thương	11/07/1996	Long An	14CĐ-OT05	5,0	7,0	6,0	6,0	Trung bình

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
122	BK090123	Tô Phi Thường	05/09/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-OT01	5,5	7,0	7,0	6,5	Trung bình
123	BK090124	Nguyễn Viết Thuy	01/01/1994	Đồng Nai	14CĐ-NL01	5,0	5,0	4,0	5,0	Trung bình
124	BK090125	Lưu Văn Khánh Tiên	18/12/1996	Đồng Nai	14CĐ-ĐC01	5,0	5,0	7,0	5,5	Trung bình
125	BK090126	Huỳnh Trung Tiến	04/01/1996	Ninh Thuận	14CĐ-ĐT02	5,0	5,0	3,0	4,5	Không đạt
126	BK090127	Huỳnh Trọng Tín	22/01/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-OT03	5,5	6,5	7,0	6,0	Trung bình
127	BK090128	Nguyễn Công Tính	31/10/1995	Kiên Giang	14CĐ-TP01	5,5	5,0	7,0	6,0	Trung bình
128	BK090129	Cao Minh Toàn	25/04/1995	Quảng Ngãi	14CĐ-ĐT02	5,0	5,0	4,0	5,0	Trung bình
129	BK090130	Phạm Minh Toàn	07/12/1995	Đồng Nai	14CĐ-TM01	6,5	6,5	6,0	6,5	Trung bình
130	BK090131	Phạm Tấn Tới	18/04/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-OT04	7,0	6,5	2,0	5,5	Không đạt
131	BK090132	Ngô Minh Trí	19/07/1996	Long An	14CĐ-ĐT02	7,0	6,5	6,0	6,5	Trung bình
132	BK090133	Nguyễn Minh Trí	02/10/1995	Bến Tre	14CĐ-NL01	6,5	6,0	4,0	6,0	Trung bình
133	BK090134	Phạm Hiền Triết	26/10/1996	An Giang	14CĐ-OT03	7,0	6,0	7,0	7,0	Khá
134	BK090135	Bá Quốc Khánh Trình	03/07/1995	Bình Thuận	14CĐ-NL01	6,5	7,0	6,0	6,5	Trung bình
135	BK090136	Lê Văn Trường	14/10/1996	Ninh Bình	14CĐ-NL01	4,0	5,5	7,0	5,0	Trung bình
136	BK090137	Nguyễn Xuân Trường	10/01/1996	Đồng Tháp	14CĐ-OT05	5,0	5,5	7,0	5,5	Trung bình
137	BK090139	Nguyễn Tú	28/02/1995	Quảng Nam	14CĐ-ĐT02	5,5	6,5	6,0	6,0	Trung bình
138	BK090140	Huỳnh Anh Tuấn	22/11/1996	Bình Định	14CĐ-ĐT01	5,5	6,5	3,0	5,0	Trung bình
139	BK090141	Lại Văn Tuấn	20/04/1996	Bình Phước	14CĐ-TP01	5,5	7,0	8,0	6,5	Trung bình
140	BK090142	Phạm Đình Tuấn	20/04/1996	Đồng Nai	14CĐ-TP01	6,5	7,0	8,5	7,0	Khá
141	BK090143	Phan Xuân Tuấn	06/01/1994	Quảng Ngãi	14CĐ-OT03	6,0	7,0	7,0	6,5	Trung bình
142	BK090144	Nguyễn Thanh Tùng	11/06/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-ĐT02	7,0	7,0	7,0	7,0	Khá

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
143	BK090145	Nguyễn Khánh Văn	16/04/1996	Tiền Giang	14CĐ-CK03	6,5	3,5	9,0	6,5	Trung bình
144	BK090146	Trần Văn Phổ Văn	20/07/1996	Tiền Giang	14CĐ-OT04	6,5	4,0	7,0	6,0	Trung bình
145	BK090148	Đàm Quốc Vinh	07/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-TM01	5,5	8,0	6,0	6,5	Trung bình
146	BK090149	Lư Bảo Vinh	11/12/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-TP01	5,5	8,0	7,0	6,5	Trung bình
147	BK090150	Ngô Trần Nguyễn B Vinh	29/02/1996	Đồng Nai	14CĐ-OT03	5,0	7,0	7,0	6,0	Trung bình
148	BK090151	Võ Văn Vinh	10/09/1996	Bình Định	14CĐ-OT04	5,5	7,0	5,0	6,0	Trung bình
149	BK090152	Lê Vinh Anh Vũ	15/11/1995	Quảng Ngãi	14CĐ-OT03	5,5	7,0	5,0	6,0	Trung bình
150	BK090153	Nguyễn Chí Vũ	01/06/1996	Bến Tre	14CĐ-CK03	5,5	7,5	7,0	6,5	Trung bình
151	BK090154	Nguyễn Như Ý	20/08/1995	Bình Thuận	14CĐ-NL01	6,0	6,0	7,0	6,5	Trung bình
152	BK090155	Trần Huy Bảo	12/09/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-TP01	6,5	8,0	7,0	7,0	Khá
153	BK090156	Trần Huỳnh Phát Đạt	18/01/1995	Tây Ninh	14CĐ-OT03	6,5	7,0	5,0	6,5	Trung bình
154	BK090157	Trần Minh Hiếu	13/05/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-OT04	6,5	7,5	7,0	7,0	Khá
155	BK090158	Lê Đăng Khoa	19/08/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-TP01	7,0	8,5	8,0	7,5	Khá
156	BK090159	Lê Võ Như Long	21/10/1995	Long An	14CĐ-TP01	5,0	7,0	8,5	6,5	Trung bình
157	BK090160	Phan Thanh Nhật	25/05/1995	Gia Lai	14CĐ-OT03	5,5	7,0	7,0	6,5	Trung bình
158	BK090161	Nguyễn Phúc Thịnh	10/08/1995	Ninh Thuận	14CĐ-TP01	5,5	4,0	7,0	5,5	Trung bình
159	BK090162	Trần Thiện Thịnh	08/05/1996	Quảng Nam	14CĐ-OT03	6,0	4,0	5,0	5,5	Trung bình
160	BK090163	Nguyễn Văn Hoài Thương	05/09/1996	Vĩnh Long	14CĐ-TP01	5,0	4,5	8,0	5,5	Trung bình
161	BK090164	Phan Minh Trí	10/07/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-OT03	4,5	4,5	5,0	4,5	Không đạt
162	BK090165	Lê Hữu Ý	18/06/1996	An Giang	14CĐ-OT03	4,5	4,5	6,0	5,0	Trung bình
163	BK090166	Nguyễn Ngọc Thiện	21/02/1996	Bình Định	14CĐ-OT03	5,0	4,5	7,0	5,5	Trung bình

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
164	BK090167	Nguyễn Công Khải	20/06/1996	Đắk Lắk	14CĐ-OT03	5,5	4,0	7,0	5,5	Trung bình
165	BK090168	Nguyễn Ngọc Tài	01/08/1995	Đồng Nai	13CĐ-Ô2	4,5	4,5	7,0	5,0	Trung bình
166	BK090169	Nguyễn Trần Đạo Hưng	04/11/1996	Bình Thuận	14CĐ-OT01	5,0	4,5	5,0	5,0	Trung bình
167	BK090170	Nguyễn Hùng Hay	12/03/1996	Bình Định	14CĐ-OT01	5,0	4,0	6,0	5,0	Trung bình
168	BK090171	Nguyễn Hữu Thành	31/05/1996	Lâm Đồng	14CĐ-OT04	5,0	4,0	6,0	5,0	Trung bình
169	BK090172	Lê Ngọc Tuyền	25/08/1994	Bình Thuận	14CĐ-TP01	5,5	4,5	6,0	5,5	Trung bình
170	BK090173	Trần Minh Hiếu	07/12/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-ĐC01	5,0	3,0	7,0	5,0	Trung bình
171	BK090174	Huỳnh Văn Tuấn	21/01/1996	Bình Thuận	14CĐ-NL01	5,0	3,5	6,0	5,0	Trung bình
172	BK090175	Nguyễn Hoàng Việt	30/08/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-TM01	5,5	3,0	6,0	5,0	Trung bình
173	BK090176	Trần Thanh Vũ	31/08/1996	Bình Thuận	14CĐ-OT03	5,0	4,5	6,0	5,0	Trung bình
174	BK090177	Đỗ Linh Kha	12/12/1994	Tiền Giang	13CĐ-CK3	5,0	3,5	7,0	5,0	Trung bình
175	BK090178	Nguyễn Đình Huy	02/10/1995	Bắc Ninh	14CĐ-OT05	5,5	4,0	6,0	5,5	Trung bình
176	BK090179	Nguyễn Ngọc Huy	08/08/1995	Bình Phước	14CĐ-OT02	4,0	4,0	5,0	4,5	Không đạt

Tổng cộng danh sách có 176 thí sinh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 2 năm 2017
HIỆU TRƯỞNG